TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 760/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 682/2026/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Trương T, sinh năm 1981.

2/ Bà Nguyễn Phạm Thái H, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ thường trú: Số 600/2/27 đường B, phường U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 7 năm 2026, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H có 02 con chung tên là Trương Yến N (nữ) - sinh ngày 24/01/2009 và Trương Yến M (nữ) - sinh ngày 19/7/2014. Hai bên thỏa thuận giao con chung Trương Yến N (nữ) – sinh ngày 24/01/2009 cho ông Trương T và giao con chung Trương Yến M (nữ) - sinh ngày 19/7/2014 cho bà Nguyễn Phạm Thái H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H cùng khai hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H cùng khai hai bên không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng do ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030317 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự

nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 114, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường U, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/9/2008 không còn giá trị).

- Về con chung: Ông Trương T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trương Yến N (nữ) – sinh ngày 24/01/2009. Bà Nguyễn Phạm Thái H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trương Yến M (nữ) - sinh ngày 19/7/2014. Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H cùng khai hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H cùng khai hai bên không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng do ông Trương T và bà Nguyễn Phạm Thái H chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030317 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV3-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND p. Minh Phụng, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Thị Thu Thủy

TAND KHU VỰC 3

4ZG050826.TL.QDBA
6422